

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC MÊ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HS-ST
Ngày 13-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Xuân Cương.
Ông Hà Mạnh Nô.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Văn Công Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang: Ông Dư Văn Tuệ - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2018/TLST-HS ngày 31/01/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Dân Văn M sinh ngày 01/01/1993 tại huyện BM tỉnh HG; Nơi cư trú: Thôn NP, xã GT, huyện BM, tỉnh HG; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Không; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Dân Văn H sinh năm 1952 và con bà: Bồn Thị V sinh năm 1962; Có vợ: Lý Thị C sinh năm 1996 (*Đã chết năm 2012*) và có 01 con Dân Văn Đ sinh năm 2011; Có 05 anh, chị em ruột, bị cáo là con thứ 5 trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Bắt ngày 04/11/2017 hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện BM, tỉnh HG (*Có mặt*).

Người bị hại: Anh Nguyễn Đình T; Sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Tổ 4 thị trấn YP, huyện BM, tỉnh HG (*Có mặt*).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh: Lý Văn T1; Sinh năm 1986

Nơi cư trú: Thôn NP, xã GT, huyện BM, tỉnh HG.

(*Vắng mặt không có lý do*)

- Anh: Lý Văn Q; Sinh ngày 18/6/2001 (*Vắng mặt không có lý do*).

Nơi cư trú: Thôn BL, xã GT, huyện BM, tỉnh HG.

+ *Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho* Lý Văn Q: Ông Đặng Văn B – Bí thư chi bộ thôn (*Có mặt*).

Nơi cư trú: Thôn BL, xã GT, huyện BM, tỉnh HG

- Anh: Bồn Văn D Sinh năm 1981 (*Vắng mặt không có lý do*).

Nơi cư trú: Thôn NN, xã ĐA, huyện BM, tỉnh HG.

- Anh: Dân Văn S Sinh năm 1982 (*Có mặt*).
- Anh: Bồng Văn D1; Sinh năm 1995 (*Vắng mặt không có lý do*).
- Anh: Bồn Văn Ỏ; Sinh năm 1992 (*Vắng mặt không có lý do*).
- Anh: Lý Văn P; Sinh năm 1979 (*Vắng mặt không có lý do*).
- Anh: Đặng Văn Đ; Sinh năm 1982 (*Vắng mặt không có lý do*).

Đều cư trú tại: Thôn NP, xã GT, huyện BM, tỉnh HG.

Người làm chứng: Ông Đặng Văn B; Sinh năm 1994 (*Có mặt*).
Nơi cư trú: Thôn BL, xã GT, huyện BM, tỉnh HG

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 2/2017 Dân Văn M, Nơi cư trú: Thôn NP, xã GT, huyện BM, tỉnh HG được anh Nguyễn Đình T, Nơi cư trú: Tổ 4, thị trấn YP, huyện BM thuê về phụ giúp (mổ lợn) và ở cùng với gia đình anh T Đến ngày 02/11/2017 M điều khiển xe mô tô đi từ nhà anh T vào nhà anh Đặng Văn N ở thôn NP, xã GT chơi đến 23 giờ 30 phút cùng ngày, M lấy xe máy quay về nhà anh T lúc đó khoảng 00 giờ 10 phút, ngày 03/11/2017 lúc này gia đình anh T đã đi ngủ hết. M đi vào nhà lấy quần áo đi tắm, tắm xong M đi ra ngồi ở bàn uống nước ở phòng khách ăn hoa quả. Sau đó M đến chiếc tủ gỗ kê ở phòng khách (chiếc tủ gỗ ba ngăn, một ngăn cao và hai ngăn thấp, ngăn cao có hai tầng (tầng trên lắp cánh bằng kính màu trắng không khóa, tầng dưới cánh bằng gỗ có khóa) M mở cánh tủ bằng kính ngăn trên không khóa, lấy cuộn dây điện, túi bột màu trắng, bìa cát tông và chiếc hòm tôn trong ngăn tủ ra ngoài để xuống nền nhà, rồi dùng tay phải rút chiếc đinh đóng ở góc ngoài phía trên miếng ván gỗ ngăn cách giữa hai tầng tủ (chiếc đinh được M tháo nhiều lần nên đã lỏng rút ra dễ dàng) sau khi rút được đinh M cầm cho vào miệng ngậm, rồi dùng tay trái nâng miếng ván gỗ ngăn cách giữa tầng trên và tầng dưới của ngăn tủ cao lên, tay phải thò vào khe hở từ tầng trên xuống tầng dưới tủ, mở nắp chiếc hòm tôn không khóa có kích thước dài 31cm x rộng 22cm x cao 14cm ở bên trong tầng dưới của ngăn cao tủ gỗ lấy ra một số tiền cho vào túi quần sau. Sau đó M đẩy nắp hòm tôn, hạ miếng ván xuống, cho đinh, hòm tôn, túi bột màu trắng, cuộn dây điện, túi bìa cát tông vào như ban đầu, đóng cánh tủ lại và đi lên gác nhà anh T ngủ. Lúc này vợ chồng anh T, chị H có nghe thấy tiếng động ngoài tủ thì mở camera trên điện thoại di động ra xem thì thấy M trộm cắp tiền, nhưng anh T không nói cho M biết. Đến khoảng 4 giờ sáng ngày 03/11/2017 M dậy giúp anh T mổ lợn cho đến sáng, sau khi ăn sáng xong M điều khiển xe máy đi vào xã GT, đi được một đoạn đường M dừng xe lại lấy số tiền trộm cắp được đem ra đếm được 3.000.000đ. Đếm tiền xong M tiếp tục điều khiển xe máy đi, khi vào đến trung tâm xã GT M gọi điện cho Đặng Văn B ở thôn BL, xã GT, huyện BM, sau khi gặp nhau M đưa số tiền 3.000.000đ trộm cắp được cho B cầm hộ (lúc đó khoảng 11 giờ). Sau đó M điều khiển xe máy đi sang huyện BL, tỉnh CB để đổi xe máy với em trai con bố nuôi Dân Văn H. Sau khi đổi được xe M quay về nhà anh T ngủ cho đến chiều tối. Đến tối ngày 03/11/2017 anh T mở camera trên máy tính

xem lại toàn bộ thì thấy trước đó vào ngày 28/10/2017 M cũng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tiền để trong tủ gỗ của nhà anh T. Sau đó anh T có hỏi M về hành vi trộm cắp tài sản (Tiền) M thừa nhận vào ngày 28/10/2017 đã lấy trộm số tiền 2.000.000đ trong hòm tôn để trong tủ gỗ của nhà anh T và ngày 03/11/2017 lấy trộm số tiền 3.000.000đ. Tổng số tiền M lấy 02 lần là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) sau khi lấy được tiền M đều mang đi gửi cho Đặng Văn B cầm hộ. Đến tối ngày 03/11/2017 anh T đã trình báo vụ việc với Công an thị trấn YP và Công an huyện BM.

Tại cơ quan điều tra Công an huyện BM Dân Văn M khai nhận do sống cùng gia đình anh T nên M biết chị Lưu Thị H (vợ anh T) hàng ngày đi chợ bán thịt lợn về là bỏ hết toàn bộ số tiền gốc, tiền lãi vào trong chiếc hòm tôn để trong tầng dưới ngăn cao của tủ gỗ khóa lại kê ở phòng khách, do muốn có tiền tiêu sài cá nhân nên M nảy sinh ý định trộm cắp tài sản (tiền). Từ tháng 7/2017 đến ngày 03/11/2017 M đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (tiềnVNĐ) nhiều lần của gia đình anh T cụ thể các lần như sau:

Tháng 7/2017 **Lần 1:** Lợi dụng lúc gia đình anh T không có ai ở nhà. M tiến đến chiếc tủ gỗ 3 ngăn để tiền của gia đình anh T, mở cánh tủ bằng kính tầng trên không khóa, lấy cuộn dây điện, túi bột màu trắng, túi bìa cát tông và chiếc hòm tôn trong ngăn tủ ra ngoài để xuống nền nhà, rồi lấy con dao nhọn bằng kim loại màu trắng, chuôi bằng nhựa màu đen, dài 33cm cả chuôi để trên mặt tủ cạy chiếc đinh đóng ở góc ngoài phía trên miếng ván gỗ ngăn cách giữa hai tầng tủ, sau khi rút được chiếc đinh M để chiếc đinh và con dao lên mặt tủ, rồi dùng tay trái nâng miếng ván gỗ ngăn cách giữa tầng trên và tầng dưới lên, tay phải thò vào khe hở từ tầng trên xuống tầng dưới tủ của ngăn cao tủ gỗ, mở nắp chiếc hòm tôn không khóa sờ thấy bên trong có 01 tệp tiền, M rút ra một tệp tiền mỏng phía trên bên trong chiếc hòm tôn và cho tiền vào túi quần, xếp lại như vị trí như ban đầu, đóng cánh tủ lại và đi xuống bếp nhà anh T đếm được số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Sau khi lấy được tiền M đi sửa chữa chiếc xe máy của M hết 1.400.000đ, số tiền còn lại 1.600.000đ tiêu sài cá nhân hết.

Lần 2: sau khi mở lợn và giao thịt xong M đi về nhà ông T không có ai ở nhà, với hình thức thủ đoạn như các lần trước M lấy được 3.500.000đ. Sau khi lấy được tiền M đem số tiền vừa trộm cắp được đi trả cho quán PT ở tổ 3, thị trấn YP, huyện BM số tiền 3.000.000đ (vì trước đó M đã mua nợ 01 chiếc máy tuốt lúa cho Lý Văn P ở thôn NP, xã GT, huyện BM) với giá 3.900.000đ (Ba triệu chín trăm nghìn đồng), còn lại 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) M tiêu sài cá nhân hết.

Lần 3: Cũng với thủ đoạn trên M tiếp tục lấy trộm của nhà anh số tiền 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng). Sau khi lấy được tiền M mang đi trả nợ mua máy tuốt lúa còn lại cho quán PT số tiền là 900.000đ, số tiền 500.000đ còn lại M tiêu sài cá nhân hết.

Trong tháng 08/2017 với hình thức, thủ đoạn như các lần trước M thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (tiền) của gia đình anh T 03 lần với tổng số tiền trộm cắp được là 10.500.000đ.

Lần 1 M lấy trộm được 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng), sau khi lấy được tiền M mang đi trả cho quán TĐ, tại tổ 3, thị trấn YP, huyện BM số tiền 3.100.000đ (vì trước đó M đã mua nợ 01 chiếc máy tuốt lúa cho Lý Văn Q ở thôn BL, xã GT, còn lại 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) M tiêu sài cá nhân hết.

Lần 2 M lấy trộm được 2.000.000đ (Hai triệu đồng), sau khi lấy được tiền M điều khiển xe máy đi vào nhà Đặng Văn Đ ở thôn NP, xã GT, huyện BM chơi thì thấy anh Đ đang phơi thóc, thì M hỏi và mua của anh Đ 200kg thóc với số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) nhưng do thóc chưa khô nên M chưa lấy thóc mà đưa tiền cho anh Đ trước 1.000.000đ (Một triệu đồng) còn lại tiêu sài cá nhân hết.

Lần 3 M lấy trộm được 5.000.000đ sau khi lấy được tiền M cho Lý Văn P vay 2.000.000đ; Bồn Văn Ở ở thôn NP, xã GT vay 2.100.000đ, số tiền còn lại 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng) M tiêu sài cá nhân hết.

Trong tháng 9/2017 cũng với thủ đoạn và địa điểm trên M thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (tiền) của gia đình anh T 03 lần với tổng số tiền trộm cắp được là 7.500.000đ.

Lần 1 M lấy trộm được 3.500.000đ, Sau khi lấy được tiền M có gặp anh Bồn Văn D ở thôn NN, xã ĐA mua chiếc xe máy BKS 23H8-4749 loại xe SUFAT, nhãn hiệu Drem II của anh D với giá 3.500.000đ.

Lần 2 M lấy trộm được 2.500.000đ, sau khi lấy được tiền đến chiều cùng ngày M điều khiển xe máy đi vào nhà Đặng Văn D ở thôn NP, xã GT chơi, tại đây M có gặp Bồn Văn D1 cùng thôn, D1 có hỏi vay tiền M 2.000.000đ M đồng ý và đưa cho D1 số tiền 2.000.000đ còn lại số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) M tiêu sài cá nhân hết.

Lần 3 M lấy trộm được 1.500.000đ sau khi lấy được tiền đến ngày hôm sau M điều khiển xe máy đi vào nhà Đặng Văn C cùng thôn chơi, tại đây M có gặp Lý Văn P, P có hỏi vay tiền M 1.000.000đ M đồng ý và đưa cho P số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng), số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) M tiêu sài cá nhân hết.

Tháng 10/2017 (không nhớ ngày). **Lần 1** M lấy trộm được 2.000.000đ sau khi lấy được tiền chiều cùng ngày M điều khiển xe máy BKS 23K1-057.67 (xe máy của M) đi vào nhà anh trai Dân Văn S cùng thôn chơi và đổi chiếc xe máy của M BKS 23K1-057.67 lấy chiếc xe máy của S BKS 23H1-073.10 (do xe máy của M cũ hơn nên M phải bù thêm cho anh S 3.500.000đ) sau khi thống nhất giao xe cho nhau M đưa trước cho S 1.000.000đ, số tiền còn lại 1.000.000đ M tiêu sài cá nhân hết.

Lần 2: Được khoảng 5 ngày sau M lại lấy trộm được 3.000.000đ, sau khi lấy được tiền M đi vào nhà Dân Văn S đưa cho S 2.500.000đ là số tiền M bù đổi xe máy còn thiếu. Còn lại 500.000đ M tiêu sài cá nhân hết.

Người bị hại ông Nguyễn Đình T xác nhận: Gia đình tôi thuê bị cáo Dân Văn M phụ giúp mỗ lợn từ tháng 2/2017 mỗi tháng 3 triệu, đến khoảng 00 giờ 29 phút ngày 03/11/2017 xem camera phát hiện M cạy tủ lấy trộm tiền khoảng hơn 3 triệu, số tiền bị mất bao nhiêu lần không biết, qua theo dõi tiền gốc và tiền

lãi từ tháng 6/2017 đến tháng 11/2017 gia đình bị hụt khoảng 170 triệu đồng do M lấy trộm. Trong thời gian M làm thuê được 9 tháng tôi chưa trả tiền công, đến tháng 7/2017 tôi mua xe máy cũ 23K1- 057.67 đứng tên của Dân Văn M cho M sử dụng giá 17.000.000đ. Ngày 05/01/2018 tôi cùng bị cáo M thỏa thuận các khoản nợ mà M nợ và tạm ứng tiền công 38.360.000đ, trừ tiền công M 09 tháng 27 triệu, M còn nợ 11.360.000đồng. M gán chiếc xe máy nhãn hiệu Drem, màu sơn nâu, biển kiểm soát 23K1- 057.67 xe cũ đứng tên Dân Văn M cho tôi sở hữu với giá 17.000.000đ để M trừ vào số tiền M còn nợ 11.360.000đồng, số tiền còn thừa 5.640.000đ M chấp nhận bồi thường cho tôi.

Về phần dân sự khi gia đình bị mất trộm tiền và kiểm tra tiền gốc và lãi bị hụt khoảng 170 triệu đồng, nay yêu cầu bị cáo M bồi thường số tiền 100.000.000đồng, ngoài ra tôi không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản gì.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

- Anh Lý Văn T1 xác nhận trong tháng 5/2017 không có tiền mua máy tuốt có hỏi vay M để mua, M không có tiền đứng ra mua nợ tại quán Nguyễn Thị T2 01 máy tuốt trị giá 3.900.000đ, sau đó tôi đưa 11 kg gà trị giá 1.300.000đ nay con nợ M 2.600.000đồng. Sau khi biết M dùng tiền trộm cắp mua hộ máy tuốt đến ngày 27/11/2017 tôi nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BM số tiền 2.600.000đ.

- Anh Lý Văn Q xác nhận trong tháng 8/2017 không có tiền mua máy tuốt hỏi vay bị cáo M, sau đó M dẫn đến quán bà Hà Thị Đoàn M đứng ra mua hộ cho tôi 01 máy tuốt trị giá 3.100.000đ, sau đó tôi biết M dùng tiền trộm cắp mua hộ máy tuốt đến ngày 27/11/2017 tôi nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BM số tiền 3.100.000đ. Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Đặng Văn B xác nhận anh Q khai là đúng.

- Anh Bồn Văn D xác nhận tháng 9/2017 có gặp bị cáo M và mời đi uống bia tại thị trấn YP qua nói chuyện M hỏi muốn mua 01 chiếc xe máy để chở lợn, tôi nói ở nhà có 01 chiếc xe máy mới sửa còn đi lại tốt. M hỏi giá thế nào tôi nói bán 3.500.000đ sau đó hai bên thỏa thuận M đưa luôn tiền cho tôi tại quán, đến trưa hôm sau M vào lấy xe khi mua bán xe không có BKS không có giấy tờ, tôi lấy 01 biển xe cũ BKS 23H-4749 không có đăng ký lắp cho M mang về, nguồn gốc chiếc xe máy bán cho M tôi mua khung xe cũ và phụ tùng về tự lắp nên không có đăng ký kèm theo.

- Anh Dân Văn S xác nhận tháng 10/2017 gặp bị cáo M sau đó hai người thỏa thuận thống nhất đổi xe máy, tôi có xe máy cũ nhãn hiệu HONDA loại DREAM II, màu sơn Nâu, BKS 23H1- 073.10 đổi lấy chiếc xe máy của M nhãn hiệu Drem, màu sơn nâu, biển kiểm soát 23K1- 057.67 xe cũ, M đưa cho tôi 3.500.000đ, đến ngày 23/11/2017 tôi nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BM số tiền 3.500.000đ. Ngày 05/01/2018 giữa tôi với bị cáo M tự thỏa thuận tôi nhận lại xe máy BKS 23H1- 073.10.

- Anh Bông Văn D1 xác nhận tháng 09/2017 tôi có vay tiền của bị cáo M 2.000.000đ, sau đó biết M trộm cắp mà có đến ngày 30/11/2017 tôi nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BM số tiền 2.000.000đ.

- Anh Bôn Văn O xác nhận ngày 30/8/2017 tôi có vay tiền của bị cáo M 2.100.000đ, đến tháng 09/2017 tôi đã trả hết số tiền đó cho bị cáo M.

- Anh Lý Văn P xác nhận khoảng từ tháng 08/2017 đến tháng 9/2017 hoàn cảnh khó khăn nên có vay bị cáo M 02 lần với số tiền 3.000.000đ, sau đó biết M trộm cắp mà có đến ngày 22/11/2017 tôi nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BM số tiền 3.000.000đ.

- Anh Đặng Văn Đ xác nhận tháng 08/2017 bị cáo M đến mua 200kg thóc với giá 1.000.000đ do thóc chưa khô nên M chưa lấy thóc, sau đó biết M đưa 1.000.000đ là tiền do trộm cắp mà có đến ngày 24/11/2017 tôi nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BM số tiền 1.000.000đ.

Quá trình điều tra xác định trong khoảng thời gian từ tháng 7/2017 đến 03/11/2017 Dân Văn M đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (tiền) của gia đình anh Nguyễn Đình T với tổng số tiền là **35.900.000đ**. Sau khi trộm cắp được tài sản (tiền) đã cho Đặng Văn B, Lý Văn T1, Lý Văn Q, Đặng Văn Đ, Lý Văn P, Bông Văn D, Dân Văn S vay, cầm hộ, mua bán, đổi các. Quá trình điều tra những người được M nhờ cầm hộ tiền, vay mượn, mua bán... biết số tiền đó là do M trộm cắp mà có nên đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra với tổng số tiền là 20.200.000đ. Còn lại số tiền 15.700.000đ M đã mua chiếc xe máy của Bông Văn D 3.500.000đ và tiêu cá nhân hết 12.200.000đ.

Theo cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 30/01/2018 của VKSND huyện Bắc Mê đã truy tố bị cáo Dân Văn M về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà đại diện VKS giữ quyền công tố đã kết luận và phát biểu quan điểm của VKS về việc giải quyết vụ án, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử.

- Tuyên bố bị cáo: Dân Văn M phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 33, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 1999, xử phạt bị cáo Dân Văn M từ 12 đến 18 tháng tù.

- Về vật chứng: Áp dụng khoản 1, điểm a khoản 1, 2 Điều 41 BLHS; Khoản 1, điểm a, c khoản 2 điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS; Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SUFAT, loại xe Drem II BKS 23H8-4749; Tịch thu tiêu hủy 01 con dao nhọn bằng kim loại màu trắng, chuôi bằng nhựa màu đen, dài 33cm cả chuôi; Trả lại cho bị cáo Dân Văn M 01 chiếc ví da màu nâu; 01 giấy chứng minh nhân dân số 073317345 mang tên Dân Văn M; 01 giấy phép lái xe số 728834 mang tên Dân Văn M; Trả lại cho bị hại Nguyễn Đình T số tiền 20.200.000đ.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 BLHS; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586 và khoản 1 Điều 589 BLDS: Buộc bị

cáo Dân Văn M phải bồi thường cho anh Nguyễn Đình T, tổng số tiền 10.060.000đ.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Khoản 1 Điều 21 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí theo pháp luật.

Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Mê, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa đã xác định hành vi của bị cáo như sau: Trong khoảng thời gian từ tháng 07/2017 đến ngày 03/11/2017 Dân Văn M có hành vi trộm cắp tài sản (tiền) nhiều lần của gia đình anh Nguyễn Đình T ở tổ 4, thị trấn YP, huyện BM với tổng số tiền trộm cắp được là 35.900.000đ. Như vậy bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội *Trộm cắp tài sản* theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ. Trong khi bị cáo đã có đầy đủ năng lực hành vi hình sự, dân sự và hoàn toàn nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhất định, xử bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, xem xét và áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã coi thường pháp luật, cố ý phạm tội do lòng tham cá nhân, chỉ muốn hưởng thụ trên sức lao động của người khác nên đã thực hiện hành vi phạm tội, lười lao động muốn có tiền tiêu sài đã thực hiện hành vi phạm trộm cắp tiền 13 lần trong khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 11/2017 một mình tham gia trộm cắp. Như vậy thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải khắc phục hậu quả bồi thường trước cho người bị hại 5.640.000đ từ tiền thỏa thuận chuyển nhượng xe máy BKS 23K1-057.67, có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế khó khăn, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước.

[5] Từ những căn cứ trên, xét thấy, mức án mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo, phần bồi thường, xử lý vật chứng và tiền án phí là có căn cứ chấp nhận.

[6] Trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào kết quả điều tra, tranh luận giữa bị cáo bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa, mặt khác trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại anh Nguyễn Đình T khai gia đình bị mất số tiền khoảng 170.000.000đ thực tế gia anh T không biết gia đình bị mất số tiền cụ thể là bao nhiêu, từ thời gian nào. Nên không đủ cơ sở để buộc bị cáo đã trộm cắp với số lượng tiền như bị hại khai trên. Do đó khẳng định bị cáo trộm cắp tiền của anh T tổng số tiền là **35.900.000đ**. Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện đã thu giữ 20.200.000đ trả lại cho bị hại và số tiền bị cáo bồi thường cho bị hại theo thỏa thuận chuyển nhượng xe máy BKS 23K1-057.67 là 5.640.000đ. Nay bị cáo phải bồi thường thêm cho anh T số tiền $35.900.000đ - 20.200.000đ$ (Tiền cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ) - 5.640.000đ (tiền bị hại còn nợ do thỏa thuận chuyển nhượng xe máy BKS 23K1-057.67) = 10.060.000đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Khoản 1 Điều 584, khoản 1, 3 Điều 585, khoản 1 Điều 586 và khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Cơ quan CSĐT Công an huyện BM đã xác định đúng chủ sở hữu tài sản đã trả lại tài cho anh Dân Văn S 01 chiếc xe máy BKS 23H1-073.10 kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký là phù hợp nên HĐXX không xem xét; Công nhận sự thỏa thuận ngày 05/01/2018 giữa bị cáo M chuyển nhượng chiếc xe máy biển kiểm soát 23K1- 057.67 kèm theo 01 đăng ký xe mô tô mang tên Dân Văn M cho anh Nguyễn Đình T là phù hợp nên HĐXX không xem xét.

Vật chứng Cơ quan điều tra tạm giữ đã trả lại cho chủ tài sản gồm:

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA loại DREAM II, màu sơn Nâu, BKS 23H1-073.10 kèm theo 01(một) giấy chứng nhận đăng ký mô tô xe máy số 007096 mang tên Hoàng Thị Thơm, trả lại cho ông Dân Văn S ngày 09/01/2018.

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Drem, màu sơn nâu, biển kiểm soát 23K1-057.67 kèm theo 01(một) chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Dân Văn M, giao cho ông Nguyễn Đình T ngày 08/01/2018. Đây là tài sản thuộc sở hữu cá nhân trả cho sở hữu là phù hợp. Hội đồng xét xử không đề cập.

- 01 chiếc ví da màu nâu; 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Dân Văn M không liên quan đến việc phạm tội, nên HĐXX xét thấy cần trả lại cho bị cáo là phù hợp;

- Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SUFAT loại xe Drem II BKS 23H8-4749 bị cáo đã dùng tiền trộm cắp do mua bán mà có nên cần tịch thu, sung quỹ nhà nước;

- Đối với 01 con dao nhọn bằng kim loại màu trắng dài 33cm cả chuôi là công cụ vào việc phạm tội không có giá trị sử dụng thì tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- **Tuyên bố bị cáo:** Dân Văn M phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- **Hình phạt:** Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 33, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 1999, xử phạt bị cáo Dân Văn M 18 (*Mười tám*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt ngày 04/11/2017.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586 và khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Dân Văn M phải bồi thường cho anh Nguyễn Đình T, Nơi cư trú: Tổ 4 thị trấn YP, huyện BM 10.060.000đ (*Mười triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Trả lại cho anh Nguyễn Đình T nơi cư trú Tổ 4 thị trấn YP, huyện BM, tỉnh HG 20.200.000đ (*Hai Mười triệu hai trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 01/02/2018 giữa Cơ quan CSĐT với Chi cục Thi hành án dân sự huyện BM.

- **Về vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 1, 2 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

+ Trả lại cho bị cáo Dân Văn M. Nơi cư trú: Thôn NP, xã GT, huyện BM, tỉnh HG 01 chiếc ví da màu nâu; 01 giấy chứng minh nhân dân số 073317345 mang tên Dân Văn M; 01 giấy phép lái xe số 728834 mang tên Dân Văn M.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SUFAT loại xe Drem II BKS 23H8-4749.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 con dao nhọn bằng kim loại màu trắng, chuôi bằng nhựa màu đen, dài 33cm cả chuôi.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 01/02/2018 giữa Cơ quan CSĐT với Chi cục Thi hành án dân sự huyện BM.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người phải thi hành án*) cho đến khi thi hành xong, tất

cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- **Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Khoản 1 Điều 21 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về lệ phí Tòa án, bị cáo Dân Văn M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 503.000đồng và tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng.

- **Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND tỉnh HG;
- VKSND huyện BM;
- T.H.A Hình sự Công an BM;
- Bị cáo, bị hại; người có QLNVLQ;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện (ĐTV);
- Sở tư pháp HG;
- Trại tạm giam CA tỉnh HG;
- Phòng PV 27 CA tỉnh HG;
- UBND xã GT, BM;
- Lưu: Hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hùng Thắng